

BỘ QUỐC PHÒNG**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2016/TT-BQP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định quy trình xử lý vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng***Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;**Căn cứ Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất; Nghị định số 17/2016/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất;**Căn cứ Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;**Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Xét đề nghị của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy trình xử lý vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định nguyên tắc, quy trình xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện xử lý vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng.

2. Xử lý vi phạm đối với tàu cá Trung Quốc vi phạm quy định vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ thực hiện theo quy định riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng.
2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý

1. Việc xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính và Thông tư này.
2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Chương II

QUY TRÌNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1

THU THẬP, TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN, TÀI LIỆU VỀ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Thu thập, tiếp nhận thông tin, tài liệu về vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng khi thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thu thập thông tin, tài liệu về vụ việc có dấu hiệu vi phạm hành chính từ các nguồn sau:

- a) Trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Thông báo của cấp trên hoặc do cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp;
- c) Trình báo, đơn thư khiếu nại, tố cáo, tố giác vi phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân;
- d) Khi tiến hành hoạt động kiểm tra, kiểm soát, quản lý địa bàn;
- đ) Các nguồn thông tin khác.

2. Tiếp nhận thông tin, tài liệu về vụ việc vi phạm hành chính

a) Trường hợp tiếp nhận đơn trình báo về vụ việc vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Trường hợp tiếp nhận vụ việc vi phạm hành chính mà người trình báo trình bày trực tiếp thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ

đội Biên phòng lập biên bản trình báo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này và đề nghị người trình báo ký vào biên bản; trường hợp người trình báo không biết chữ thì yêu cầu họ điểm chỉ vào biên bản. Người trình báo dưới 18 tuổi phải có người giám hộ.

c) Trường hợp tiếp nhận thông tin về vụ việc vi phạm hành chính qua điện thoại, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm ghi lại nội dung trình báo; yêu cầu người trình báo giữ bí mật, cung cấp số điện thoại sử dụng để liên lạc, làm việc.

d) Địa điểm trình báo: Tại trụ sở cơ quan, đơn vị Bộ đội Biên phòng hoặc tại địa điểm Tổ, Đội công tác Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại địa bàn khu vực biên giới, cửa khẩu, trên biển.

Điều 5. Xử lý thông tin về vụ vi phạm hành chính

1. Sau khi thu thập, tiếp nhận thông tin, tài liệu về vụ vi phạm, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm xử lý theo trình tự sau đây:

- a) Đánh giá độ tin cậy và phân tích dữ liệu thông tin, tài liệu thu thập được;
- b) Báo cáo kịp thời cho người có thẩm quyền;
- c) Đánh giá, thẩm tra, xác minh, khi thấy có dấu hiệu vi phạm thì tổ chức xác minh, bổ sung, củng cố chứng cứ;
- d) Đối với thông tin có dấu hiệu vi phạm nhưng không thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của mình thì chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp.

2. Khi tiến hành hoạt động tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu về vụ vi phạm, căn cứ tính chất, mức độ của thông tin, tài liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự của người cung cấp thì người có thẩm quyền phải bảo mật thông tin, tài liệu, giữ bí mật nhân thân người cung cấp thông tin, tài liệu và có kế hoạch bảo đảm sự an toàn cho người cung cấp thông tin, tài liệu nếu người trình báo yêu cầu; không được tiết lộ thông tin, tài liệu cho người không có trách nhiệm.

Mục 2

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH KHÔNG LẬP BIÊN BẢN

Điều 6. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính

Khi phát hiện vi phạm hành chính đang diễn ra, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính bằng lời nói, còi, hiệu lệnh hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trường hợp áp dụng

1. Hành vi vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt quy định là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, đến 500.000 đồng đối với tổ chức.

2. Cá nhân hoặc tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt đối với mỗi hành vi đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, đến 500.000 đồng đối với tổ chức.

3. Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt theo thủ tục có lập biên bản theo quy định tại Mục 3 Chương này.

Điều 8. Thủ tục xử phạt

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong Bộ đội Biên phòng quy định tại Điều 40 Luật xử lý vi phạm hành chính xem xét và ra quyết định xử phạt tại chỗ, giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt 01 bản. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo thì quyết định xử phạt còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

2. Trường hợp phạt tiền, trong quyết định xử phạt phải ghi rõ mức tiền phạt.

Cá nhân, tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và nhận chứng từ thu tiền phạt theo quy định của Bộ Tài chính. Người thu tiền phạt nộp trực tiếp vào kho bạc nhà nước hoặc tài khoản của kho bạc nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tàu vào đến bờ của Hải đội Biên phòng, Hải đoàn Biên phòng hoặc Tổ, Đội công tác về đến Đồn Biên phòng.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nơi kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt được ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt nhưng phải tạm giữ giấy tờ, tài sản, đồ vật, phương tiện vi phạm để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt.

Mục 3**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CÓ LẬP BIÊN BẢN****Điều 9. Trường hợp áp dụng**

Sau khi quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, nếu tính chất, mức độ vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này thì tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục có lập biên bản.

Điều 10. Lập Biên bản vi phạm hành chính

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng, Đội trưởng, Trạm trưởng Trạm kiểm soát Biên phòng, Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu Biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính hoặc cùng thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với từng cá nhân, tổ chức.

2. Trường hợp vì lý do khách quan, khi bắt giữ không thể lập biên bản vi phạm hành chính ngay được thì việc lập biên bản phải được tiến hành ngay sau khi dẫn giải người vi phạm về đơn vị và ghi rõ lý do vào biên bản.

3. Trường hợp vi phạm khó xác định ngay là vi phạm hành chính hay tội phạm thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính tạm giữ người, tang vật, phương tiện vi phạm, giấy phép, chứng chỉ hành nghề và tiến hành các biện pháp xác minh theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

4. Đối với vi phạm hành chính do cơ quan, đơn vị khác chuyển đến thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành tiếp nhận, lập biên bản giao nhận; nếu cơ quan, đơn vị khác chuyển đến mà chưa lập biên bản vi phạm hành chính thì tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính.

5. Trong trường hợp người vi phạm hành chính cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không có mặt tại địa điểm xảy ra vi phạm thì biên bản được lập xong phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

6. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng thì buộc chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm, báo cáo cấp trên trực tiếp xin ý kiến chỉ đạo và chuyển giao hồ sơ, tang vật, đối tượng vi phạm (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

7. Trường hợp vi phạm hành chính vừa có hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng, vừa có hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan khác thì người có thẩm quyền xử phạt trong Bộ đội Biên phòng thực hiện:

a) Tiến hành các hoạt động xác minh, kết luận, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt;